

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/KDTM -ST  
Ngày: 30/9/2020  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cơ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Văn Điều và bà Phan Thị Hồng Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hà -Thư ký tòa án nhân dân huyện TA, tỉnh Phú Yên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TA tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện TA, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2020/TLST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA

Địa chỉ: xx PDL, phường x, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn T; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn T - Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA chi nhánh Phú Yên, Địa chỉ: xx THĐ, phường 4, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Quyết định ủy quyền số 399/QĐ-DAB-PC ngày 02/4/2019

Ông T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Trung C - nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA chi nhánh Phú Yên, Địa chỉ: xx THĐ, phường x, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Giấy ủy quyền ngày 19/3/2020

Ông C có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị Kim T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố LB, thị trấn CT, huyện TA, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Ngọc N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn BH, xã AD, huyện TA, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2020 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA trình bày:

Ngày 06/01/2017, bà T ký hợp đồng vay tín chấp của Ngân hàng TMCP ĐA 15.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9,6%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, với phương thức trả dần đều mỗi tháng trả cả gốc và lãi là 1.370.000 đồng, ông N là người bảo lãnh. Quá trình vay bà T thực hiện đúng theo thỏa thuận được 10 tháng, đến kỳ hạn ngày 07/11/2017 bà T không thực hiện nghĩa vụ nên Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ còn lại sang nợ quá hạn từ ngày 07/11/2017. Từ khi vay cho đến ngày 30/4/2018 bà T đã trả được 12.710.902 đồng tiền gốc và 1.440.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 01/5/2018 đến nay bà T không trả nên đến hôm nay 30/9/2020 bà T còn nợ 3.311.472 đồng, trong đó nợ gốc 2.289.098 và nợ lãi quá hạn 1.022.374 đồng.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả dứt điểm số nợ trên, nếu bà T không trả được nợ thì ông N phải trả nợ thay.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/7/2020, bị đơn Trịnh Thị Kim T trình bày: Thời gian, thủ tục vay và số nợ hiện tại đúng như ngân hàng trình bày. Nay bà và ông N đã ly hôn, số tiền nợ trên là nợ chung nên bà yêu cầu ông N cùng có trách nhiệm trả nợ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/7/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc N trình bày: Việc bà T vay tiền làm gì ông không biết, chữ ký trong hồ sơ vay không phải của ông nhưng ông đang khó khăn, không có tiền để trung cầu giám định đề nghị tòa xem xét.

Tòa án nhân dân huyện TA đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị tòa giải quyết buộc bà T trả số tiền nợ đến ngày 30/9/2020 là 3.311.472 đồng, trong đó nợ gốc 2.289.098, nợ lãi quá hạn 1.022.374 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01/10/2020 theo hợp đồng tín dụng nếu bà T không trả được nợ thì ông N phải trả nợ thay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TA phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, đã tuân thủ đầy đủ thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền 3.311.472 đồng và lãi phát sinh, nếu bà T không trả được nợ thì ông N phải có nghĩa vụ trả nợ thay.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến trình bày của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP ĐA khởi kiện yêu cầu Trịnh Thị Kim T có địa chỉ tại Khu phố LB, thị trấn CT và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc N, có địa chỉ tại và thôn BH, xã AD, huyện TA, tỉnh Phú Yên trả số tiền còn nợ theo khế ước nhận nợ giữa một bên là pháp nhân với cá nhân, để bổ sung vốn kinh doanh là đều có mục đích lợi nhuận. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TA, tỉnh Phú Yên.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu tòa buộc bà T trả số tiền nợ đến ngày 30/9/2020 là 3.311.472 đồng, trong đó nợ gốc 2.289.098, nợ lãi quá hạn 1.022.374 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01/10/2020 theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ nếu bà T không trả được nợ thì ông N là người bảo lãnh phải trả nợ thay.

### [3.1] Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 15/12/2016 bà Trịnh Thị Kim T làm giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, ông Trần Ngọc N là người bảo lãnh đề nghị được vay số tiền 20.000.000 đồng để buôn bán được Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã AD xác nhận và đề nghị Ngân hàng TMCP ĐA cho vay theo yêu cầu của bà T (tại thời điểm vay vốn bà T là hội viên Hội liên hiệp phụ nữ xã AD). Ngày 28/12/2016 Ngân hàng TMCP ĐA duyệt cho bà T vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9,8%/năm, số tiền góp một kỳ 1.370.000 đồng, đợt vay 007, ngày vay 06/01/2017, ngày đáo hạn 06/01/2018. Ngày 06/01/2018 ngân hàng chuyển số tiền 15.000.000 đồng vào số tài khoản 0110423805 của chủ tài khoản Trịnh Thị Kim T.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 07/11/2017 bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP ĐA đã chuyển số tiền nợ còn lại sang nợ quá hạn.

[3.3] Từ khi vay cho đến ngày 30/4/2018 bà T đã trả được 12.710.902 đồng tiền gốc và 1.440.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 01/5/2018 đến nay bà T không trả nên đến ngày 30/9/2020 bà T còn nợ 3.311.472 đồng, trong đó nợ gốc 2.289.098 và nợ lãi quá hạn 1.022.374 đồng được bà T xác nhận tại biên bản ghi lời khai ngày 24/7/2020. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3.4] Ông Trần Ngọc N không thừa nhận chữ ký trong hồ sơ vay vốn là của ông nhưng ông không yêu cầu trưng cầu giám định. Hội đồng xét xử xét thấy tại mục 1.2 thông tin người bảo lãnh của giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/12/2016 được Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA duyệt ngày 28/12/2016 ghi thông tin cá nhân của Trần Ngọc N và đã được ký xác nhận tại phần người bảo lãnh. Do đó ông N phải chịu trách nhiệm của mình về người bảo lãnh cho khoản vay của bà T.

[3.5] Ông N là người bảo lãnh nên nếu bà T không trả được nợ thì ông N phải trả nợ thay, do đó không chấp nhận yêu cầu của bà T buộc ông N cùng có trách nhiệm trả nợ.

[3.6] Nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Buộc bà Thu phải trả số tiền đến ngày 30/9/2020 cho Ngân hàng TMCP Đông Á là 3.311.472 đồng, trong đó nợ gốc 2.289.098 đồng và nợ lãi quá hạn 1.022.374 đồng và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/12/2016, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Nếu bà T không trả được nợ thì ông N phải có nghĩa vụ trả thay.

[3.7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; các Điều 463, 466, 468, 335 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trịnh Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền vay tính đến ngày 30/9/2020 là 3.311.472 đồng, trong đó nợ gốc 2.289.098 và nợ lãi quá hạn 1.022.374 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trịnh Thị Kim T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/12/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho

vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu bà Trịnh Thị Kim T không trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐA thì ông Trần Ngọc N phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay đổi với khoản nợ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/12/2016 là 3.311.472 đồng, trong đó nợ gốc 2.289.098 và nợ lãi quá hạn 1.022.374 đồng và khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí:

Bị đơn Trịnh Thị Kim T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2015/0011930 ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TA, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện TA(2);
- Chi cục THADS huyện TA;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Cơ**